

Tăng cường năng lực giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Điện lực

Trần Thị Thu Hương*

*Trường Đại Học Điện Lực

Received: 22/2/2024; Accepted: 2/3/2024; Published: 3/4/2024

Abstract: The ultimate goal of learning English is to be able to communicate fluently. However, in reality in Vietnam, more focus is put on grammar than other skills, therefore students lack confidence when communicating. This article introduces a number of measures to stimulate passion and motivation to learn, thereby developing communication skills in English and increasing confidence through action research for students of Electric Power University.

Keywords: Motivation, communication skills, students of Electric Power University.

1. Đặt vấn đề

Trong việc học tiếng Anh, kỹ năng nói là những kỹ năng ngôn ngữ khó thành thạo nhất nhưng lại là nền tảng để người học có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp. Nói là “một quá trình tương tác nhằm xây dựng ý nghĩa bao gồm việc tạo ra, tiếp nhận và xử lý thông tin”. (Brown, 1994). Nói thường mang tính tự phát, cởi mở và phát triển. Kỹ năng nói cũng đóng vai trò then chốt trong việc dạy và học ngoại ngữ. Từ lâu, việc dạy tiếng Anh ở Việt nam quá chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng đọc, viết mà bỏ qua việc rèn luyện kỹ năng nghe, nói, dẫn đến năng lực giao tiếp kém. Mong muốn học kỹ năng nói tiếng Anh độc lập của SV trường ĐHDL chưa mạnh mẽ và hiệu quả tự học chưa cao. Biện pháp cấp thiết là, nâng cao chất lượng dạy và dạy cho SV các chiến lược học tập tự chủ hiệu quả, nhằm khuyến khích nâng cao động lực học nghe và nói tiếng Anh.

2. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại ĐHDL với 40 SV lớp D17 Logistics đang theo học năm thứ nhất học kì 1

Đề tài được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu hành động (action research). Theo đó, tác giả tiến hành kiểm tra kỹ năng nói của SV trước khi áp dụng hoạt động mới cho lớp. Bài kiểm tra được đánh giá trên 5 tiêu chí (độ trôi chảy, độ tự tin, phát âm, ngữ pháp và nội dung). Sau đó tác giả áp dụng hoạt động đóng vai theo nhóm (mỗi nhóm 5 SV). Mỗi nhóm sẽ được cung cấp một chủ đề, SV sẽ phân vai theo chủ đề của nhóm và lên kịch bản nói. 08 chủ đề sau sẽ được SV thực hành (du lịch, môi trường, ẩm thực, y tế, giáo dục, truyền thông, luật pháp, giao thông). Ví dụ, nếu bốc được chủ đề về du lịch, thành

viên trong nhóm sẽ phân vai (khách du lịch, hướng dẫn viên, nhân viên nhà hàng, khách sạn và dân địa phương). Nhóm sẽ viết kịch bản cho hội thoại và thực hành trước khi trình bày trên lớp. Khi trình diễn trước lớp, GV hoặc các SV khác trong lớp có thể đặt câu hỏi và các thành viên trong nhóm sẽ phải phản ứng nhanh để trả lời. Để đánh giá chính xác quá trình áp dụng thủ thuật đóng vai, ngoài bài kiểm tra trước khi áp dụng hoạt động này, tác giả quan sát lớp để ghi nhận những thay đổi trong quá trình áp dụng, thiết kế bảng câu hỏi dành cho SV, đồng thời có bài kiểm tra sau ba tháng áp dụng hoạt động trên.

2.1. Thực trạng nói tiếng Anh của sinh viên

Đánh giá mức độ khó của kỹ năng nói so với ba kỹ năng còn lại khi học tiếng Anh của SV.

Theo khảo sát có tới 40% số SV cho rằng kỹ năng nói là khó nhất đối với mình, trong khi SV lại thấy dễ nhất là kỹ năng đọc (12%). Bên cạnh đó 30% số SV trả lời, kỹ năng nghe cũng gây rất nhiều khó khăn cho SV và 18% các phản hồi kỹ năng viết là khó. Nguyên nhân khiến SV đánh giá kỹ năng nói là khó nhất trong 4 kỹ năng được khảo sát bao gồm:

+ Vốn từ vựng ít dẫn đến việc SV không thể diễn đạt được suy nghĩ của mình.

+ Vận dụng ngữ pháp chưa tốt do chưa phân biệt được rõ sự khác nhau giữa các thì gần nhau (ví dụ: thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn hay tương lai gần của mẫu To be going to, Will và To be + V-ing).

+ Luyện tập chưa thường xuyên, tích cực. Ngoài ra, kỹ năng nói không có đáp án rõ ràng, chính xác như kỹ năng nghe và đọc nên sinh viên khó tự đánh giá bản thân. Do vậy, để đạt được sự tiến bộ, SV phải đầu tư thời gian luyện tập bền bỉ và tích cực.

- Kết quả kiểm tra trước khi áp dụng thủ thuật

đóng vai trong dạy nói

Kết quả bài kiểm tra đánh giá kỹ năng nói của SV cho thấy còn kỹ năng nói của SV còn chưa đạt yêu cầu nhất là khi các em phải chuẩn bị cho kì thi CDR B1 Tác giả mong muốn các SV trang bị tốt kỹ năng nói tiếng Anh, giúp SV tự tin trong giao tiếp hàng ngày và tìm được công việc tốt tại các tập đoàn đa quốc gia khi ra trường.

2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói của sinh viên

Qua khảo sát, mỗi lớp học có tới 40 sinh viên, gây khó khăn trong tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng nói. Ngoài ra, trình độ của SV không đồng đều. Với những SV yếu, GV phải dành nhiều thời gian để củng cố ngữ pháp và từ vựng, nên thời gian dành cho việc luyện nói là chưa đủ. Về phía GV, giảng viên thường dùng tiếng Việt để giảng ngữ pháp cho SV hoặc giao tiếp bên ngoài lớp học với SV bằng tiếng Việt, gây ra ảnh hưởng nhất định đến thói quen sử dụng tiếng Anh của SV. Cuối cùng, sự phân bố thời gian trong mỗi tiết dạy chưa đồng đều. Thời lượng GV dành cho việc dạy ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu chiếm tỷ trọng khá lớn nên kỹ năng nói và viết chưa được chú trọng. Cụ thể là: ngữ pháp gần 27%; đọc: 25%; nghe: 22%; nói: 12%; viết: 14%.

2.3. Đề xuất một số hoạt động cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên

Kỹ năng nói là một trong 4 kỹ năng quan trọng khi học một ngôn ngữ mà người học không thể bỏ qua hoặc xem nhẹ. Do đó, GV tiếng Anh cần quan tâm phát triển kỹ năng nói cho SV, đồng thời tạo động lực để sinh viên say mê, không ngại nói. Trong quá trình giảng dạy, GV không chỉ cung cấp cho SV những kinh nghiệm học hiệu quả mà còn cung cấp cho các em nhiều chủ đề đa dạng để luyện tập như quê hương, bạn bè, du lịch, môi trường, ẩm thực, y tế, giáo dục, truyền thông, luật pháp, giao thông... Một số hoạt động luyện nói có thể đem lại hiệu quả cao như hoạt động nhóm (group-work), hoạt động theo cặp (pair-work), trò chơi (game), thuyết trình (presentation) và đóng vai hội thoại (making conversations).

Tác giả đã lựa chọn hoạt động đóng vai để khảo sát mức độ tiến bộ đối với kỹ năng nói của sinh viên lớp D17 Logistics tại ĐHDL. Sau khi làm bài kiểm tra nói và trước khi áp dụng hoạt động này, tác giả tiến hành chia nhóm và phân chủ đề để luyện tập. Mỗi nhóm 5 SV sẽ cùng nhau viết kịch bản cho chủ đề họ được phân công và thống nhất phân vai. Trong vòng một tuần, SV viết xong kịch bản và phân vai gửi cho GV duyệt. Sau khi được duyệt, SV tiến hành

luyện tập 01 tuần, quay video gửi cho GV (video có thời lượng từ 5 đến 7 phút). Các nhóm sinh viên sẽ nhận được ba chủ đề khác nhau trong các tuần kế tiếp để luyện tập. Do quỹ thời gian hạn chế nên sau mỗi tuần nhận video của SV, GV thường chọn ra hai clip (01 clip tốt và 01 clip chưa tốt) để chiếu trước lớp và nhận xét để SV phát huy hoặc rút kinh nghiệm. Giáo viên phân bố lịch luyện tập của SV như sau:

Tuần 1: Giảng viên nhận lớp

Tuần 2: Sinh viên làm bài kiểm tra trước khi áp dụng hoạt động

Tuần 3: Phân nhóm, phân chủ đề số 01

Tuần 4: SV viết kịch bản chủ đề 01, phân vai và gửi lại cho giảng viên duyệt

Tuần 5: SV luyện tập chủ đề 01 và gửi lại clips cho giảng viên

Tuần 6: SV được phân chủ đề số 02

Tuần 7: SV viết kịch bản chủ đề 02, phân vai và gửi lại cho giảng viên duyệt

Tuần 8: SV luyện tập chủ đề 02 và gửi lại clips cho giảng viên

Tuần 9: SV được phân chủ đề số 03

Tuần 10: Sinh viên viết kịch bản chủ đề 03, phân vai và gửi lại cho giảng viên duyệt

Tuần 11: Sinh viên luyện tập chủ đề 03 và gửi lại clips cho giảng viên

Tuần 12: Làm bài kiểm tra sau khi áp dụng hoạt động

Tuần 13: Nhận xét của GV

** Nhận xét sau khi áp dụng hoạt động đóng vai*

SV mạnh dạn hơn khi trình bày bài nói của mình, phát âm to và rõ. Đặc biệt, SV tích lũy được vốn từ vựng phong phú hơn, khả năng nghe tốt hơn. Trên hết, SV đã tự tin, mạnh dạn hơn giao tiếp; số SV thể hiện bài nói của mình ở mức khá tốt và tốt chiếm 2/3 tổng số SV trong lớp. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ nhỏ thể hiện kỹ năng nói ở mức yếu (1,2%) do những SV này chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa và không có nền tảng tiếng Anh cơ bản từ bậc học phổ thông. Tác giả đã tiến hành phỏng vấn người học sau khi áp dụng hoạt động nói với câu hỏi “Em cảm thấy thế nào sau khi tham gia hoạt động nói cùng các bạn?”. SV 1 cho rằng hoạt động đóng vai giúp quá trình học không bị khô khan và SV có thể tham gia thể hiện mình được nhiều hơn. SV 3 rất thích các hoạt động này vì đây là cách vừa học, vừa giải trí và không bị áp lực. SV Hoàng Giao Bảo thì nói rằng, các hoạt động cùng với các chủ đề gần gũi với cuộc sống làm cho buổi học rất vui nhộn và hấp dẫn, khiến SV thích nói tiếng Anh hơn. Hầu hết các em đều cho rằng, khi

thực hành với chủ đề đầu tiên SV còn khá rụt rè, bỡ ngỡ và ngại nói, ngại tham gia. Nhưng đến chủ đề thứ ba được phân công, SV đã hào hứng và chủ động tham gia để có được kết quả tốt nhất.

3. Kết luận

Thực tế giảng dạy cho thấy việc nâng cao chất lượng dạy tiếng Anh nói chung và dạy kỹ năng nói tiếng Anh nói riêng cho SV phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp giảng dạy. Tác giả đã dành sự quan tâm bằng cả trách nhiệm chuyên môn, thời gian và sự yêu thích tiếng Anh để triển khai các hoạt động nhằm giúp SV có được cách học nói hiệu quả. Bằng các hoạt động này, SV không chỉ nâng cao kỹ năng nói mà còn bồi đắp được động lực học tập, cũng như xác định rõ hơn lợi ích của việc học tiếng Anh. Qua các hoạt động thực hành nói, SV nhận ra rằng không ai học ngoại ngữ mà không mắc lỗi. Do đó, SV cần tự tin và kiên nhẫn giao tiếp thật nhiều trong cuộc sống

thực tế để có thể nâng cao kỹ năng và năng lực ngoại ngữ cho bản thân./

Tài liệu tham khảo

(1) Bygate M. (1987), Speaking. Oxford University Press

(2) Byrne, D (1986), Teaching Oral English. London. Longman Group UK Limited

(3) Garrett Smith (2018) Teaching Speaking in Non-Academic Contexts. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/9781118784235.eelt0257>

(4) Sonca Vo (2020) Evaluating interactional competence in interview and paired discussion tasks: A rater cognition study <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/tesj.563>

(5). Nivja H. de Jong (2020) Teaching Speaking <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/9781405198431.wbeal1437.pub2>.

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy... (tiếp theo trang 71)

2.6. Tích hợp nội dung dạy học giữa chương trình Ngữ văn các cấp học và giữa tác phẩm với tư tưởng, tâm hồn của tác giả

Chương trình Ngữ văn THPT được xây dựng trên nguyên tắc đồng tâm, vì vậy nhiều nội dung của THPT trong đó có nội dung về tác giả văn học đã được dạy học trong chương trình THCS nay được nhắc lại và củng cố ở mức độ cao hơn. Giáo viên có thể đặt những câu hỏi gợi mở giúp học sinh nhớ lại kiến thức về một nhà văn nhà thơ nào đó đã được học trước đây, kết hợp với những thông tin bổ sung trong bài học để khắc sâu kiến thức.

2.7. Chuẩn bị bài chu đáo trước khi đến lớp

Việc hướng dẫn HS chuẩn bị bài trước khi đến lớp đã chứng minh được ích lợi trong dạy học hiện nay, giúp cho HS được làm việc nhiều hơn, tích cực chủ động tìm ra kiến thức dưới sự hướng dẫn của GV hơn là thu nhận thông tin từ GV. Trong chiến lược phát triển giáo dục (ban hành kèm theo quyết định 201 2001 QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ) ghi rõ —đổi mới và hiện đại hoá PPGD dựa chuyển tới việc truyền thụ tri thức thụ động thầy giảng trò ghi sang hướng dẫn người học chủ động tư duy trong quá trình tiếp cận tri thức. Dạy cho người học PP tự thu nhận thông tin một cách có hệ thống và có tư duy phân tích, tổng hợp phát triển năng lực của mỗi cá nhân, tăng cường tính chủ động tích cực, tự chủ của HS trong quá trình học tập. Như vậy mục đích của việc đổi mới và hiện đại hoá

phương pháp giáo dục là phát huy được vai trò chủ thể, phát huy được tính tích cực chủ động và khả năng tư duy sáng tạo của HS.

3. Kết luận

Việc thực hiện phối kết hợp các cách thức, phương pháp dạy học kiểu bài về tác giả văn học như trên là điều rất cần thiết. Đây là các phương pháp dạy học tiên tiến, phù hợp với nhà trường hiện đại và chủ trương tích cực hoá hoạt động của học sinh trong học tập, làm cho các em yêu thích môn Ngữ văn, chăm học và từ đó nâng cao kết quả học tập. Đây là những giải pháp phù hợp với xu thế giáo dục của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng là học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để sống với chất lượng cao.

Tài liệu tham khảo

1. Sách giáo khoa - Sách giáo viên Ngữ Văn 10 - NXB Giáo dục

2. Sách giáo khoa – Sách giáo viên Ngữ văn 11 – NXB Giáo dục

3. Tài liệu tập huấn Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ Văn (2014), Hà Nội.

4. Tài liệu tập huấn về Nghiên cứu KHSPUD

5. Nhà văn Việt Nam hiện đại – Chân dung phong cách, Nguyễn Đăng Mạnh, NXB văn học, 2003

6. Sách giáo khoa Ngữ văn tập 1 và tập 2 của các lớp 10,11 và 12 (cơ bản và nâng cao)